

## PHẬT NÓI KINH ĐẠI TẬP PHÁP MÔN

### QUYỂN II

Lại nữa, các Tỳ-kheo nên biết, có năm thủ uẩn do Đức Phật giảng nói là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn.

Lại nữa, có năm tham muốn do Đức Phật giảng nói là:

–Mắt thấy sắc, tâm ham muốn vui thích, do tâm vui thích nên chấp trước sắc trần.

–Tai nghe tiếng...

–Mũi ngửi mùi thơm...

–Lưỡi nếm rõ vị...

–Thân có cảm giác nơi xúc... cũng lại như vậy.

Lại nữa, có năm điều chướng ngại do Đức Phật giảng nói là:

–Chướng ngại vì lòng ưa muốn.

–Chướng ngại vì sân hận.

–Chướng ngại vì ngủ nghỉ.

–Chướng ngại vì làm ác.

–Chướng ngại vì nghi hoặc.

Lại nữa, có năm phần phiền não câu kết do Đức Phật giảng nói là:

–Phần phiền não do ưa muốn câu kết.

–Phần phiền não do sân hận câu kết.

–Phần phiền não do thân kiến câu kết.

–Phần phiền não do giới cấm thủ câu kết.

–Phần phiền não do nghi hoặc câu kết.

Lại nữa, có năm việc keo kiệt do Đức Phật giảng nói là keo kiệt về ăn uống, keo kiệt về việc lành, keo kiệt về lợi dưỡng, keo kiệt về

sắc tướng, keo kiệt về pháp.

Lại nữa, có năm thọ căn do Đức Phật giảng nói là lạc thọ căn, khổ thọ căn, hỷ thọ căn, ưu thọ căn, xả thọ căn.

Lại nữa, có năm thắng căn do Đức Phật giảng nói là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Lại nữa, có năm lực do Đức Phật giảng nói là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Lại nữa, có năm học lực do Đức Phật giảng nói là tín học lực, tinh tấn học lực, niệm học lực, định học lực, tuệ học lực.

Lại nữa, có năm cảnh giới xuất ly do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ. Tâm vị ấy dung nạp thọ nhận, chưa thể lìa dục, tùy theo các cảnh dục, khởi tâm tham muốn; không lui sụt, không xả bỏ, chưa giải thoát. Chính do duyên này, sau trở lại quán sát cảnh giới của dục, sanh khởi tâm lìa dục, chối bỏ tâm tham dục, ưa vui giải thoát, khéo thực hiện các việc chân chánh, nên tâm được giải thoát. Tâm giải thoát phát khởi liền có thể xa lìa các pháp bất tương ưng, trụ tâm nơi vô dục. Từ ý nghĩa này, do dục làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

–Có Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ. Tâm vị ấy dung nạp thọ nhận, chưa thể lìa sân, đối với cảnh chống trái, trở ngại, khởi tâm giận dữ, không lui sụt, không xả bỏ, chưa giải thoát. Chính do duyên này, sau trở lại hay quán sát các cảnh chống trái, trở ngại, sanh khởi tâm lìa sân, chối bỏ tâm sân, ưa vui giải thoát, khéo làm việc chân chánh nên tâm được giải thoát. Đã sanh tâm giải thoát liền có thể xa lìa các pháp bất tương ưng, an trụ tâm nơi không sân. Từ ý nghĩa này, do sân làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

–Có Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ. Tâm vị dung nạp thọ nhận, chưa thể lìa hại, đối với cảnh không vừa ý sanh khởi tâm gây tổn hại, không lui sụt không xả bỏ, chưa giải thoát. Chính do duyên này, sau lại quán sát các cảnh không vừa ý, sanh khởi tâm không gây tổn hại. Đã không còn tâm tổn hại, ưa vui giải thoát, khéo tu hành chân chánh, tâm vui giải thoát. Tâm giải thoát đã sanh liền có thể xa lìa các pháp bất tương ưng, trụ tâm nơi bất hại. Từ ý nghĩa này, do tổn hại làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

–Có thầy Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ. Tâm vị ấy dung nạp thọ nhận, chưa lìa sắc tướng, với các cảnh

sanh khởi tâm chấp trước vào cảnh sắc, không lui sụt, không xả bỏ, chưa giải thoát. Chính do duyên này, sau lại quán sát cảnh giới sắc tướng kia, sanh khởi tâm lìa cảnh sắc, chối bỏ tâm theo sắc, ưa vui giải thoát, khéo hay tu hành chân chánh, tâm được giải thoát. Tâm giải thoát đã sanh liền có thể xa lìa các pháp bất tương ứng, an trú nơi tâm lìa cảnh sắc. Từ ý nghĩa này do cảnh sắc làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

–Có Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ, chấp trước có thân, chưa lìa thân tướng, mà đối với thân này sanh khởi tư tưởng cho là thật có, không chịu chối bỏ, chưa được giải thoát. Do nhân duyên này, sau lại quán sát: phàm có thân thì phải diệt, sanh khởi tư tưởng thân hủy diệt, tâm chấp trước tiêu tan, ưa vui giải thoát, khéo tu hành chân chánh, tâm được giải thoát. Tâm giải thoát đã sanh liền mới có thể xa lìa các pháp bất tương ứng, trú trong tư tưởng: thân dễ bị hủy diệt. Do ý nghĩa này, chấp có thân làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

Như vậy gọi là năm cảnh giới xuất ly.

Lại nữa, có năm chốn giải thoát do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do vị ấy luôn thân cận hầu hạ nên được lợi ích. Nếu khi nghe thầy giảng nói chánh pháp, tâm sanh vui thích, sanh khởi tư tưởng trọng pháp. Do tâm ấy phát sinh, tuy chưa có thể nghe, lĩnh hội, ghi nhớ được nhiều, chỉ ở trong đó biết được một pháp. Theo chỗ biết một pháp liền rõ một nghĩa, nếu không rõ được nghĩa kia thì không thể đối với pháp mà sanh tâm hoan hỷ. Vì vậy do đã hiểu rõ nghĩa kia nên sanh tâm hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân được nhẹ nhàng. Do thân nhẹ nhàng, liền tương ứng với an lạc. Do an lạc nên tâm trú nơi Tam-ma-hứ-đa (*Tam-ma-địa*). Tâm trú nơi cảnh kia, nên biết như thật, quán sát như thật, đã quán sát như thật tức lìa trần, lìa tham, được trí giải thoát. Trí giải thoát khởi lên liền được biết rõ rằng là ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không thọ thân sau.

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do được gần gũi, hầu hạ nên được nghe pháp. Tùy chỗ nghe ấy, tâm sanh vui thích, sanh khởi tư tưởng trọng pháp. Do sanh tâm ấy nên hay ở trong pháp ấy được nghe, nhớ và lĩnh hội pháp sâu xa, rồi tùy theo đấy biết được các

pháp, liền rõ các ý nghĩa. Nếu không rõ các ý nghĩa, thì không thể đối với pháp sanh tâm vui mừng. Do đã hiểu rõ các ý nghĩa nên tâm sanh hoan hỷ, do tâm hoan hỷ nên thân được khinh an. Do thân được khinh an nên tương ứng với an lạc, do an lạc nên tâm an trú trong Tam-ma-hứ-đa. Do tâm ấy an trú nên có thể nhận biết như thật, lại quán sát như thật. Đã quán sát như thật, tức lìa cảnh trần, lìa tham ái, được trí tuệ giải thoát. Trí giải thoát khởi lên liền biết rõ rằng ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do theo thầy gần gũi, hầu hạ nên được nghe pháp. Theo chỗ đã nghe, tâm sanh hoan hỷ, khởi tư tưởng trọng pháp. Do tâm trọng pháp nên hay nghe, ghi nhớ, lĩnh hội được pháp sâu xa, lại có thể đối với từng pháp giải rõ như thật các nghĩa, rộng vì người khác phân biệt giảng nói. Nếu không rõ các nghĩa thì không thể đối với pháp sanh tâm hoan hỷ. Vì vậy do đã hiểu rõ các nghĩa nên tâm sanh hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên tương ứng với an lạc. Do có an lạc nên tâm an trú trong Tam-ma-hứ-đa. Do tâm ấy an trú nên có thể biết như thật, lại quán sát như thật. Do quán sát như thật nên lìa trần, lìa tham, được trí giải thoát. Trí giải thoát đã sanh liền biết rõ rằng ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do theo thầy gần gũi hầu hạ nên được nghe pháp. Theo chỗ đã nghe, tâm sanh hoan hỷ, khởi tư tưởng trọng pháp. Do tâm trọng pháp nên hay nghe, lĩnh hội, ghi nhớ được pháp sâu xa, tâm lại có thể trụ vào một cảnh, không lui sụt, không xả bỏ. Đối với pháp được nghe, khởi tầm và tứ phát sanh trí tuệ chân chánh. Do sanh khởi tầm, tứ nên đối với các pháp mỗi mỗi đều rõ biết. Do biết các pháp nên thông tỏ các nghĩa, rồi rộng vì người khác phân biệt, giảng nói. Nếu không rõ các nghĩa thì không thể đối với pháp sanh tâm hoan hỷ. Vì vậy do đã thông tỏ các nghĩa nên tâm sanh hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên liền tương ứng với an lạc. Do có an lạc nên tâm trú nơi Tam-ma-hứ-đa. Do tâm ấy an trú nên có thể biết như thật, lại quán sát như thật. Do đã quán sát như thật nên lìa trần, lìa tham, được trí tuệ giải thoát.

Trí tuệ giải thoát khởi lên liền biết rõ rằng ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do theo thầy gần gũi hầu hạ nên được nghe pháp. Theo chỗ được nghe đó nên tâm sanh hoan hỷ, khởi tư tưởng trọng pháp. Do tâm trọng pháp nên có thể nghe, lĩnh hội, ghi nhớ được pháp sâu xa, tâm trú trong một cảnh, không lui sụt, không xả bỏ. Đối với pháp đã nghe, khởi tâm và tứ, phát sanh trí tuệ chân chánh, lại có thể ở riêng trong Tam-ma-địa môn ấy khéo an trú, nhiếp tâm, theo chỗ trú tâm mà chuyển hóa tâm thêm thù thắng tức là đối với mỗi pháp đều biết rõ. Do biết các pháp nên rõ các nghĩa, rõ rộng vì người khác phân biệt giảng nói. Nếu không rõ các nghĩa thì không thể đối với pháp sanh tâm hoan hỷ. Vì vậy do đã hiểu rõ các nghĩa nên tâm sanh hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân được nhẹ nhàng. Do thân nhẹ nhàng nên tương ứng với an lạc. Do có an lạc, tâm an trú nơi Tam-ma-hứ-đa. Do tâm ấy an trú nên có thể biết như thật, lại quán sát như thật. Do quán sát như thật nên lìa trần, lìa tham, được trí giải thoát. Trí giải thoát sanh khởi biết rõ rằng ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

Như vậy gọi là năm chốn giải thoát.

Lại nữa, có năm cõi do Đức Phật giảng nói là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời và người.

Lại nữa, có năm chỗ ở thanh tịnh do Đức Phật giảng nói là Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Sắc cứu cánh.

Lại nữa, có năm hạng người có học đi vào Phật pháp do Đức Phật giảng nói là:

- Hàng trung lưu vào Phật pháp.
- Trọn đời vào Phật pháp.
- Có thực hành vào Phật pháp.
- Không thực hành vào Phật pháp.
- Thượng lưu vào Phật pháp.

Đó gọi là năm hạng người có học đi vào với Phật pháp. Những pháp như vậy, do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh, giảng nói đúng như lý, khiến các chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, tạo lợi ích an vui cho hàng trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có sáu xứ bên trong do Đức Phật giảng nói là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ.

Lại nữa, có sáu xứ bên ngoài do Đức Phật giảng nói là sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ và pháp xứ.

Lại nữa, có sáu thức do Đức Phật giảng nói là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Lại nữa, có sáu xúc do Đức Phật giảng nói là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc.

Lại nữa, có sáu thọ do Đức Phật giảng nói là:

- Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ.
- Nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ.
- Tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ.
- Thiệt xúc làm duyên sanh ra các thọ.
- Thân xúc làm duyên sanh ra các thọ.
- Ý xúc làm duyên sanh ra các thọ.

Lại nữa, có sáu tưởng do Đức Phật giảng nói là tưởng về sắc, tưởng về thanh, tưởng về hương, tưởng về vị, tưởng về xúc và tưởng về pháp.

Lại nữa, có sáu điều ưa mến do Đức Phật giảng nói là mến cảnh sắc, mến âm thanh, mến mùi hương, mến nếm vị, mến chạm xúc và mến các pháp.

Lại nữa, có sáu điều thích ý do Đức Phật giảng nói là:

- Thấy sắc đáng ưa là điều thích ý.
- Nghe tiếng đáng ưa là điều thích ý.
- Ngửi mùi đáng ưa là điều thích ý.
- Nếm vị đáng ưa là điều thích ý.
- Xúc chạm biết đáng ưa là điều thích ý.
- Phân biệt pháp lành là điều thích ý.

Lại nữa, có sáu điều không thích ý do Đức Phật giảng nói là:

- Thấy sắc không đáng ưa là điều không thích ý.
- Nghe tiếng không đáng ưa là điều không thích ý.
- Ngửi mùi không đáng ưa là điều không thích ý.
- Nếm vị không đáng ưa là điều không thích ý.
- Xúc chạm biết không đáng ưa là điều không thích ý.

–Phân biệt pháp bất thiện không đáng ưa là điều không thích ý.

Lại nữa, có sáu hạnh xả do Đức Phật giảng nói là:

–Thấy sắc, liền tu tập xả bỏ ngay cảnh sắc đó.

–Nghe âm thanh, liền tu tập xả bỏ ngay nơi âm thanh đó

–Ngửi mùi hương, liền tu tập xả bỏ ngay mùi hương đó.

–Nếm vị, liền tu tập xả bỏ ngay vị đó.

–Xúc chạm, liền tu tập biết ngay nơi xúc chạm đó mà xả bỏ.

–Biết pháp, liền tu tập xả bỏ ngay nơi pháp đó.

Lại nữa, có sáu niệm do Đức Phật giảng nói là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

Lại nữa, có sáu hành do Đức Phật giảng nói là kiến hành, văn hành, lợi ích hành, học hành, phân biệt hành, niệm hành.

Lại nữa, có sáu pháp xa lìa cảnh trần do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo hiện tại an trú thân nghiệp trong hạnh từ, theo đó bắt đầu tu tập thì được hạnh thanh tịnh vững chắc, không hoại.

–Có Tỳ-kheo hiện tại an trú ngữ nghiệp trong hạnh từ, theo đó bắt đầu tu tập nên được hạnh thanh tịnh vững chắc, không hoại.

–Có Tỳ-kheo hiện tại an trú ý nghiệp trong hạnh từ, theo đó bắt đầu tu tập nên được hạnh thanh tịnh vững chắc, không hoại.

–Có Tỳ-kheo nhận lợi dưỡng đúng như pháp, đi khất thực đúng như pháp, tùy phẩm vật nhận được ăn dùng đúng như pháp, tự giữ gìn thực hành, xa lìa phi pháp, theo đó bắt đầu tu tập nên đạt hạnh thanh tịnh vững chắc, không hoại.

–Có Tỳ-kheo tu hành giới luật thanh tịnh, không hủy phạm, không khiếm khuyết, lìa các lỗi lầm, tăng thêm thiện lực. Do việc làm đó nên không còn các kiến chấp; theo đó bắt đầu tu tập nên đạt hạnh thanh tịnh, vững chắc, không hoại.

Lại nữa, có sáu thứ nguồn gốc của sự tranh luận chống đối, do Đức Phật giảng nói:

–Có một loại người, tự mình ưa thích tạo tội, lại ưa gần gũi người tạo tội khác, thường muốn người khác mến kính mình.

–Có một loại người, tự mình ưa thích tạo tội, lại ưa gần gũi người tạo tội khác, thường muốn người khác mến kính mình, lại còn không tôn kính Phật, không tôn kính Pháp, không hay quán sát các pháp.

–Có một loại người, tự mình ưa thích tạo tội, lại ưa gần gũi người

tạo tội khác, thường muốn người khác mến kính mình, lại còn ưa muốn chống đối với Tăng.

–Có một loại người có đủ tật: dua nịnh, luống dối, tham lam, keo kiệt, ganh ghét, che giấu..., các tùy phiền não và còn có thân kiến, tà kiến, biên kiến, kiến thủ không thể xa lìa.

–Có một loại người đầy đủ thân kiến... sanh khởi tâm điên đảo, lại còn không tôn kính Phật, không tôn kính Pháp, không hay quán pháp.

–Có một loại người đầy đủ thân kiến... sanh khởi tâm điên đảo, lại còn ưa thường chống đối với chúng Tăng.

Lại nữa, có sáu cảnh giới đối trị để được xuất ly do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: “Ta tu quán tâm từ giải thoát, tùy công việc làm đều biết như thật, tinh tấn phát khởi tâm từ để đối trị. Tâm sân hận của ta thấy đều dứt sạch”. Do quán tâm từ giải thoát như thế, nên tâm sân hận không còn chỗ nào để dung chứa, chấp nhận, chỉ có quán tâm từ hiện tiền thôi, vì vậy tâm sân không còn sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm từ mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: “Ta tu quán tâm bi giải thoát, tùy mọi việc làm đều biết như thật, siêng năng hăng hái vận dụng tâm bi để đối trị. Tâm hại của ta thấy đều dứt sạch”. Do quán tâm bi giải thoát như thế nên tâm tổn hại không có chỗ dung chứa, chỉ còn quán tâm bi hiện tiền, vì vậy tâm tổn hại không còn sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm bi kia mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: “Ta tu quán tâm hỷ giải thoát, tùy chỗ làm đều biết như thật, siêng năng dùng tâm hỷ để đối trị với tâm không hoan hỷ của ta, tất cả đều dứt sạch”. Do quán tâm hỷ giải thoát như vậy nên tâm không hoan hỷ không còn chỗ dung chứa, chỉ quán tâm hoan hỷ này được hiện tiền, cho nên tâm không hoan hỷ ở đây không còn sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán hoan hỷ kia mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: “Ta tu quán tâm xả giải thoát, tùy công việc làm đều biết như thật, siêng năng vận dụng tâm xả để đối trị với tâm của ta, tất cả đều dứt sạch”. Do quán tâm xả giải thoát như vậy, nếu có tâm tham dục thì không còn chỗ dung chứa, chỉ quán tâm xả hiện tiền, cho nên tâm tham dục không còn sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm xả kia mà được xuất ly.



–Có Tỳ-kheo nói như thế này: “Ta tu quán tâm vô tướng giải thoát, tùy công việc làm đều biết như thật, siêng năng vận dụng tâm vô tướng giải thoát để đối trị với tâm chấp tướng của ta, tất cả đều dứt sạch”. Vì do quán tâm vô tướng giải thoát như vậy nên tâm chấp trước hình tướng không có chỗ dung chứa, chỉ còn tâm quán vô tướng này hiện tiền thôi. Tâm chấp tướng ấy ở đây không còn chỗ sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm vô tướng kia mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: “Ta tu hạnh quyết định, do pháp quyết định này để đối trị với tâm nghi hoặc của ta, tất cả đều dứt sạch”. Vì do tu hạnh quyết định như vậy, trong tâm nếu có nghi hoặc sẽ không còn chỗ dung chứa mà chỉ có quán tâm quyết định kia hiện tiền, cho nên tâm nghi hoặc không có chỗ sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm quyết định kia mà được xuất ly.

Các điều như thế gọi là sáu thứ đối trị để được xuất ly. Những pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến cho chúng sanh đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích cho hàng an lạc trời người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có Thất giác chi do Đức Phật giảng nói là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi và Xả giác chi.

Lại nữa, có bảy điều làm trợ duyên cho Tam-ma-địa do Đức Phật giảng nói là quán sát chân chánh, suy lường chân chánh, nói năng chân chánh, hành động chân chánh, nuôi sống chân chánh, đồng mãn chân chánh, trụ niệm chân chánh.

Lại nữa, có bảy điều quán tưởng để tu hạnh giải thoát do Đức Phật giảng nói là:

- Quán tưởng bất tịnh.
- Quán tưởng sự chết.
- Quán tưởng không tham ăn uống.
- Quán tưởng tất cả thế gian không đáng vui.
- Quán tưởng về vô thường.
- Quán tưởng vô thường là khổ.
- Quán tưởng về nỗi khổ không cùng tận.

Lại nữa, có bảy lực do Đức Phật giảng nói là Tín lực, Niệm lực, Vô úy lực, Tinh tấn lực, Nhẫn lực, Định lực và Tuệ lực.

Lại nữa, có bảy Bồ-đặc-già-la do Đức Phật giảng nói, là: Tâm giải thoát, Câu giải thoát, Tuệ giải thoát, Thân chứng, Tín giải thoát, Pháp hạnh, Tín hạnh.

Lại nữa, có bảy chỗ thức an trú do Đức Phật giảng nói là:

– Vô số thân hình đều có vô số tướng, tức là hàng trời, người trong cõi Dục là chỗ thức an trú.

– Vô số thân hình chỉ có một tướng, đó là cõi trời Sơ thiên, là chỗ thức an trú.

– Chỉ có một thân mà có vô số các tướng, đó là cõi trời Nhị thiên, là chỗ thức an trú.

– Một thân một tướng, đó là cõi trời Tam thiên, là chỗ thức an trú.

– Cõi Không vô biên xứ là chỗ thức an trú.

– Cõi Thức vô biên xứ là chỗ thức an trú.

– Cõi trời Vô sở hữu xứ là chỗ thức an trú.

Đó gọi là bảy chỗ thức an trú.

Các pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến các chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, tạo lợi ích an vui cho hàng trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có tám giải thoát do Đức Phật giảng nói là:

– Trong có tướng sắc, quán sắc bên ngoài để giải thoát.

– Trong không tướng sắc, quán sắc bên ngoài để giải thoát.

– Thanh tịnh giải thoát, an trú đầy đủ.

– Không vô biên xứ giải thoát.

– Thức vô biên xứ giải thoát.

– Vô sở hữu xứ giải thoát.

– Phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát.

– Diệt thọ tướng giải thoát.

Lại nữa, có tám thắng xứ do Đức Phật giảng nói là:

– Trong có tướng sắc, quán một ít sắc bên ngoài, khi quán sát như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

– Trong có tướng sắc, quán sắc bên ngoài nhiều, khi quán sát như vậy, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

– Trong không tướng sắc, quán một ít sắc bên ngoài, khi quán sát như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, quán sắc bên ngoài nhiều, khi quán sát như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc “xanh” nghĩa là quán như hoa Ô-ma và áo màu xanh, đối với hai màu xanh này đều thấy màu xanh hiển hiện sáng tỏ, rất trong sạch. Khi quán như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc “vàng”, nghĩa là quán màu sắc như hoa Ngật-ly-sắc-noa, A-ca-la và áo màu vàng. Ở trong hai màu vàng này đều là màu vàng hiển hiện sáng chói rất là trong sạch. Khi quán như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc “đỏ”, nghĩa là quán màu sắc như hoa Mãn-độ-nhĩ-phước-ca, áo màu sắc “đỏ”. Ở trong hai màu đỏ này đều là màu đỏ hiển hiện sáng chói, rất là trong sạch. Khi quán sát như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc “trắng”, nghĩa là quán như hoa màu sắc trắng và áo màu sắc trắng, ở trong hai màu trắng này đều là màu trắng hiển hiện, sáng chói rất trong sạch. Khi quán sát như thế sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

Lại nữa, có tám thứ pháp thế gian do Đức Phật giảng nói là lợi dưỡng, suy kiệt, hủy báng, khen ngợi, xưng danh, chê bai, khổ, vui.

Lại nữa, có Bát chánh đạo do Đức Phật giảng nói là Chánh tri kiến; Chánh tư duy; Chánh ngữ; Chánh nghiệp; Chánh mạng; Chánh tinh tấn; Chánh niệm; Chánh định. Đây gọi là Bát chánh đạo.

Những pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến cho chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, tạo lợi ích an vui cho trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có chín cõi chúng sanh ở do Đức Phật giảng nói là:

–Mỗi mỗi thân hình đều có các tư tưởng, tức là hàng trời người trong cõi Dục, là chỗ chúng sanh nương ở.

–Mỗi mỗi thân hình chỉ có một tưởng, đó là cõi Sơ thiên, là chỗ chúng sanh nương ở.

–Một thân hình có các tư tưởng, đó là cõi trời Nhị thiên, là chỗ chúng sanh nương ở.

–Một thân hình một tư tưởng, đó là cõi trời Tam thiên, là chỗ chúng sanh nương ở.

- Cõi trời Không vô biên xứ là chỗ chúng sanh nương ở.
  - Thức vô biên xứ là chỗ chúng sanh nương ở.
  - Vô sở hữu xứ là chỗ chúng sanh nương ở.
  - Cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ là chỗ chúng sanh nương ở.
  - Cõi trời Vô tưởng là chỗ chúng sanh nương ở.
- Đó gọi là chín chỗ chúng sanh nương ở.

Những pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến cho chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh để đem lại an vui cho trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có mười hạnh cụ túc do Đức Phật giảng nói là:

- Không hủy hoại chánh kiến.
- Không hủy hoại chánh tư duy.
- Không hủy hoại chánh ngữ.
- Không hủy hoại chánh nghiệp.
- Không hủy hoại chánh mạng.
- Không hủy hoại chánh tinh tấn.
- Không hủy hoại chánh nhẫn.
- Không hủy hoại chánh định.
- Không hủy hoại chánh giải thoát
- Không hủy hoại chánh trí.

Đó gọi là mười hạnh cụ túc.

Những pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến cho chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích an vui cho trời, người khắp khắp trong thế gian.

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết Tôn giả Xá-lợi-phất vì các Tỳ-kheo giảng nói pháp thích hợp, Phật liền từ chỗ nằm nghỉ ung dung ngồi dậy, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, như chỗ Tôn giả nói là Phật đã nói, pháp này gọi là Đại tập pháp môn, ở trong đời sau có thể cùng chúng sanh tạo được lợi ích lớn. Vào đời vị lai, các Tỳ-kheo của Ta, những người tu phạm hạnh, đối với pháp môn Đại tập này phải nên thọ trì, đọc tụng, giảng nói cùng khắp. Xá-lợi-phất; vào đời vị lai, nếu người nào được thọ trì pháp môn Đại tập này, thì người ấy, trong giáo

pháp của chư Phật đời vị lai là người hiền thiện, có lòng tin thanh tịnh, đối với giáo pháp của Đức Phật, tâm rất ưa thích, hiểu rõ, khai mở rộng lớn, tâm rất hoan hỷ.

Lúc bấy giờ các thầy Tỳ-kheo nghe Đức Phật tán thán pháp môn Đại tập này, tất cả đều hoan hỷ tín thọ, lễ Phật lui ra.

